

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 119/2024/DSST

Ngày: 09-9-2024

V/v Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật và
tranh chấp hợp đồng tặng cho QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Bé**;

Ông **Thạch Hùng**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thạch Thị Minh Châu**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/TLST-DS ngày 05-12-2023, về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/TLST-DS ngày 20-8-2024 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1948; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1954; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

4. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

5. Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

6. Bà Lý Thị Th, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có mặt);

7. Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

8. Chị Nguyễn Thị Bé Th, sinh năm 1983; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

9. Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

10. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tr trình bày:

Cha tên Nguyễn Văn Thử (chết năm 1969), mẹ tên Trần Thị V (chết 2021) ông Thử, bà V có 09 người con: Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Ch (chết không có vợ con) ông Nguyễn Văn Nh (chết năm 2018) ông Nh có vợ là bà Nguyễn Thị D2 và có 04 người con, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn Như (chết năm 2008 không có vợ, con), ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch và ông Nguyễn Văn Tr, bà V không có con nuôi và con riêng.

Lúc còn sống cha, mẹ ông có chia đất cho các con gồm: Bà Nguyễn Thị D được chia 05 công đất; ông Nguyễn Văn Nh được chia 2,5 công; bà Nguyễn Thị Nh được chia 05 công; ông Nguyễn Văn T được chia 5,8 công; bà Nguyễn Thị L được chia 2,5 công; ông Nguyễn Văn Ch được chia 2,5 công, chỉ có ông sống chung và nuôi dưỡng bà V cho nên bà V cho ông thừa đất 921 đang tranh chấp.

Nguồn gốc thừa đất 921 là của bà V tạo lập, sau khi bà V chết hàng thừa kế thứ nhất của bà V thống nhất lập tờ đồng thuận (ông không nhớ ngày chỉ nhớ tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2023) phân chia thừa đất 921 gồm: Bà Nguyễn Thị D2, bà Nguyễn Thị D, phần còn lại là của ông hưởng, không có tên bà L, sau đó ông có nhờ địa chính vô đo đạc để tách thừa đất, do bà L quy hiếp bắt ông phải chia đất cho **bà D** diện tích 360m² (sau này ra Tòa bà L nói cho diện tích 350m²) nằm trong thừa đất 921, ông không đồng ý bà L lấy Giấy chứng nhận QSD đất thừa 921 và Tờ đồng thuận không trả lại cho ông.

Bà V chết không có để lại di chúc, qua kết đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai theo sơ đồ khu đất có diện tích 669,4m² (phần E) thuộc thừa đất 921, tờ bản đồ số 04 là bà V tặng cho bà Nguyễn Thị D2 hơn 30 năm, đất **bà D** sử dụng, chưa làm thủ tục sang tên cho **bà D** được, đối với diện tích đất này hàng thừa kế thứ nhất của bà V thống nhất ghi nhận cho **bà D** đã được Tòa án công nhận cho **bà D** xong, không có tranh chấp.

Còn diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thừa đất 921, tờ bản đồ số 04,

bà V đã tặng cho bà Nguyễn Thị D vào năm 2005, cho đất không có làm giấy tờ, đất **bà D** đang sử dụng, do quyền sử dụng đất ông đang vốn tại ngân hàng nên không tách quyền sử dụng đất cho Dừa được, trước khi bà V chết, bà V cũng có yêu cầu anh, chị, em làm thủ tục tách thửa đất cho **bà D**, nay ông yêu cầu công nhận diện tích đất này cho **bà D** được hưởng, ông không tranh chấp.

Còn lại diện tích theo sơ đồ gồm 03 (phần A, B,C) bà V tặng cho ông trước khi bà V chết, cho đất không có làm giấy tờ, diện tích đất ông đang sử dụng. Tài sản có trên thửa đất (Phần A) gồm có căn nhà trước là loại nhà tình thương nhà nước tặng cho bà V vào năm 2008 hoặc 2009 tại thời điểm này bà V thuộc diện hộ nghèo, tiền cất nhà do Nhà nước hỗ trợ bằng 8.400.000 đồng và cho vay thêm 8.000.000 đồng, ông cũng có bù vô thêm 3.600.000 đồng và bỏ công phụ làm thêm (không tính tiền), tiền vay 8.000.000 đồng cất nhà đến nay ông đã trả xong, căn nhà này ông đang quản lý, phần tài sản còn lại trên đất qua thẩm định là của vợ chồng ông tạo lập. Lúc bà V còn sống bà V không có nói cho đất bà L như chị L yêu cầu.

Ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Công nhận cho bà Nguyễn Thị D được hưởng diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh, diện tích đất này bà V đã cho **bà D** vào năm 2005, ông không yêu cầu chia thừa kế.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L trả lại cho ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Buộc bà Nguyễn Thị L trả lại cho ông tờ đồng thuận đã lập vào tháng 4 hoặc tháng 5 năm 2023;

4. Công nhận cho ông được hưởng diện tích 959,3m² (phần A), diện tích 352m² (phần B) và diện tích 351,6m² (phần C), tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh, ông không đồng ý chia thừa kế tài sản này cho hàng thừa kế của của bà V hưởng.

5. Qua ý kiến yêu cầu chia thừa kế di sản của bà V ông không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị L trình bày:

Cha tên Nguyễn Văn Thứ (chết năm 1969), mẹ tên Trần Thị V (chết 2021) ông Thứ, bà V có 09 người con: Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Chánh (chết không có vợ con) ông Nguyễn Văn Nh (chết năm 2018) ông Nh có vợ là bà Nguyễn Thị D2 và có 04 người con, bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn Như (chết năm 2008 không có vợ, con), ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch và ông Nguyễn Văn Tr, bà V không có con nuôi và con riêng.

Lúc mạnh khỏe bà V sống một mình trên thửa đất 921, các con ai cũng có gia đình sống riêng, ông Tr sống bên gia đình vợ, sau này vợ chồng ông Tr về cũng sống chung trên thửa đất 921, bà V bệnh bà là người chăm sóc cho đến khi bà V chết, lúc còn sống bà V đồng ý cho **bà D** Diện tích 350m² nằm trong thửa

921, bà V giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 921 cho bà giữ để sau này làm quyền sử dụng đất, cho đất không có làm giấy tờ (từ trước đến nay bà không có nói bà V cho **bà D** diện tích đất 360m² như bên ông Tr trình bày), bà V chết không có để lại di chúc, sau khi bà V chết anh, chị, em có làm Văn bản từ chối nhận di sản (không nhớ ngày, tháng nhưng trong năm 2023, văn bản này chưa được xã xác nhận) chứ không phải tờ đồng thuận phân chia đất, lúc ký văn bản này bà có hỏi ở xã về diện tích đất được bà V tặng cho có được cấp quyền sử dụng đất riêng hay không, người ta nói nếu cho thừa kế 01 mét vuông cũng được công nhận, sau đó bà về nói lại cho vợ chồng ông Tr nghe, vợ chồng ông Tr không chịu chia đất cho bà nên tranh chấp, bà thừa nhận có giữ văn bản từ chối nhận di sản và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 921 đến nay.

Qua kết quả đo đạc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai bà thống nhất diện tích (phần A, B, C, D) đang tranh chấp;

Diện tích 669,4m² (phần E) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, bà V đã tặng cho bà Nguyễn Thị D2, được hàng thừa của bà V thống nhất và được Tòa án công nhận cho **bà D** xong, không tranh chấp;

Diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, bà V không có tặng cho **bà D**, không đồng ý công nhận cho **bà D**.

Hiện tại ông Tr đang quản lý diện tích các (phần A, B, C), tờ bản đồ số 04, tọa lại ấp Lê Văn Quới, xã Tập Ngãi, bà V không có tặng cho ông Tr.

Tài sản trên thửa đất (Phần A) có căn nhà trước là loại nhà tình thương Nhà nước tặng cho bà V vào năm 2008 hoặc 2009 tại thời điểm này bà V thuộc diện hộ nghèo, tiền cất nhà được hỗ trợ bằng 8.400.000 đồng và cho vay thêm 8.000.000 đồng, bà V cũng được hỗ trợ 01 con bò, sau này ông Tr bán con bò đã trả tiền vay cất nhà bằng 8.000.000 đồng xong, sau này bà V chết vợ chồng ông Tr có cất sửa lại sử dụng đến nay. Ngoài ra trên đất còn có nhà và công trình phụ theo biên bản thẩm định của Tòa án là của vợ chồng ông Tr tạo lập, những cây dừa trên 25 năm là của bà V trồng, những cây dừa nhỏ sau này là của ông Tr trồng. Lúc còn sống bà V cũng có chia đất cho các con, ông Tr cũng được 2,5 công đất ông Tr đã bán lại cho ông Cho sử dụng.

Bà Nguyễn Thị L yêu cầu:

1. Thống nhất công nhận diện tích 959,3m² (phần A), tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho ông Tr hưởng để thờ cúng bà V và công sức gìn giữ đất, không yêu cầu hoàn lại giá trị, tài sản trên đất không tranh chấp.

2. Yêu cầu công nhận diện tích đất 352m² (phần B), tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho bà hưởng, nếu giá trị tài sản bà được nhận cao hơn giá trị di sản thừa kế bà được hưởng, bà đồng ý hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế được hưởng.

3. Công nhận cho bà Nguyễn Thị D diện tích 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992 tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho **bà D** hưởng, đây còn là di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, không tranh chấp tài sản trên đất.

4. Công nhận cho ông Nguyễn Văn Tr diện tích 351,6m² (phần C) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992 tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho ông Tr, đây còn là di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, không tranh chấp tài sản trên đất.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn Ch trình bày:

Thông nhất hàng thừa kế thứ nhất của bà V như lời trình bày của bà Nguyễn Thị L. Lúc còn sống bà V có phân chia đất cho các con xong, còn lại thửa đất 921 đang tranh chấp, bà V chết không có để lại di chúc.

Qua kết quả đo đạc của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thì diện tích 669,4m² (phần E) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04 bà V đã tặng cho bà Nguyễn Thị D2, hàng thừa kế của bà V thống nhất công nhận cho **bà D** và được Tòa án công nhận xong, không tranh chấp.

Diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, bà V không có tặng cho **bà D** như **bà D** trình bày và yêu cầu.

Hiện tại ông Tr đang quản lý diện tích các (phần A, B, C), tờ bản đồ số 04, tọa lại ấp Lê Văn Quới, xã Tập Ngãi, bà V không có tặng cho ông Tr.

Lúc bà V bệnh bà L là người chăm sóc cho đến khi bà V chết, bà V có tặng cho bà L diện tích 350m² nằm trong thửa 921, cho đất không có làm giấy tờ. Sau khi bà V chết anh, chị, em có lập văn bản từ chối nhận di sản (văn bản này ông Tập không có ký tên, văn bản chưa được xã xác nhận) đồng ý chia đất cho ông Tr, **bà D**, **bà D** và bà L, sau khi ký văn bản xong không có tên bà L được hưởng đất nên không thực hiện rồi bà L giữ luôn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và văn bản từ chối nhận di sản rồi ông Tr khởi kiện cho đến nay.

Trước khi tranh chấp mọi người cũng có ý kiến nếu tách quyền sử dụng đất cho bà L được hưởng diện tích 350m² như ý kiến bà V tặng cho thì mọi người không có tranh chấp, thống nhất giao đất lại cho ông Tr, **bà D** và **bà D** hưởng, do ông Tr không đồng ý nay mọi người cùng yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà V theo pháp luật và cùng thống nhất như sau.

1. Công nhận diện tích 959,3m² (phần A), tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho ông Tr hưởng để thờ cúng bà V và công sức gìn giữ, không yêu cầu hoàn lại giá trị, tài sản trên đất không tranh chấp.

2. Công nhận cho bà Nguyễn Thị L diện tích 352m² (phần B), tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho bà L hưởng, đây còn là di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, không tranh chấp tài sản trên đất.

3. Công nhận cho bà Nguyễn Thị D diện tích 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992 tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho **bà D** hưởng, đây còn là di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, không tranh chấp tài sản trên đất.

4. Công nhận cho ông Nguyễn Văn Tr diện tích 351,6m² (phần C) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992 tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập

Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cho ông Tr hưởng, đây còn là di sản thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, không tranh chấp tài sản trên đất.

Trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị D có ý kiến trình bày:

Thông nhất hàng thừa kế thứ nhất của bà V như ông Tr trình bày, năm 2005 bà V có tặng cho **bà D** diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh trên đất có 19 cây dừa đến nay bà đồn chỉ còn lại 02 cây, cho đất không có làm giấy tờ, các em bà ai cũng biết.

Bà V chết không có để lại di chúc, sau này các em bà thống nhất làm tờ đồng thuận chia đất như ông Tr trình bày, bà V không có chia đất cho bà L. Sau đó Nhà nước có đo đạc đất, do quyền sử dụng đất và tờ đồng thuận bà L giữ hết nên không làm thủ tục được rồi ông Tr khởi kiện bà L yêu cầu trả lại các giấy tờ bà L giữ và tranh chấp đến nay.

Qua đo đạc của chi nhánh văn phòng đất bà thống nhất:

Đối với diện tích 669,4m² (phần E) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04 bà V đã tặng cho bà Nguyễn Thị D2, hàng thừa kế của bà V thống nhất công nhận cho **bà D** và được Tòa án công nhận xong, không tranh chấp

Diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04 bà V tặng cho bà vào năm 2005, yêu cầu công nhận đất cho bà hưởng, không đồng ý chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của bà V hưởng.

Còn ông Nguyễn Văn Tr được tặng cho diện tích các (phần A, B, C), tờ bản đồ số 04, tọa lại ấp Lê Văn Quới, xã Tập Ngãi, yêu cầu công nhận cho ông Tr, không yêu cầu chia thừa kế. Tài sản trên thửa đất (Phần A) bà thống nhất ý kiến trình bày của ông Tr, bà cũng không tranh chấp tài sản trên đất.

Ý kiến của bà Nguyễn Thị D2 trình bày:

Thông nhất hàng thừa kế thứ nhất của bà V như ý kiến trình bày của mọi người, bà với ông Nh có 04 người con chung tên Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Bé Th, Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Thu H, trước đây bà V có tặng cho **bà D** diện tích 669,4m² (phần E) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992 cho đất không có làm giấy tờ, diện tích đất này hàng thừa kế thứ nhất của bà V thống nhất công nhận cho bà và được Tòa án công nhận tại Quyết định số: 32/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024, không tranh chấp. Tài sản còn lại nằm trong thửa đất 921 mà mọi người đang tranh chấp bà không yêu cầu chia thừa kế, thống nhất để cho mọi người cùng giải quyết, bà xin vắng mặt không tham gia.

Ý kiến của anh Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Thị Bé Th, chị Nguyễn Thị Cẩm T và Nguyễn Thị Thu H: Anh, chị là con của **bà D** và ông Nh, không có ai yêu cầu chia thừa kế tài sản của bà Trần Thị V tại thửa đất 921, thống nhất để cho hàng thừa kế của bà V giải quyết.

Ý kiến của chị Lý Thị Th trình bày: Bà là vợ ông Tr, bà thống nhất ý kiến và yêu cầu của ông Tr trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện, trích lục thửa đất 921; CCCD (photo); Bị đơn cung cấp

01 giấy CNQSD đất thửa 921, Văn bản từ chối nhận di sản (photo); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại cho ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 tờ đồng thuận (văn bản từ chối nhận di sản) và yêu cầu công nhận đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện công nhận đất của bà Nguyễn Thị D.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Nh đối với di sản thừa kế của bà Trần Thị V (chết).

4. Công nhận cho ông Nguyễn Văn Tr được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 959,3m² (phần A) và diện tích 351,6m² (phần C), thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04 (tài liệu đo đạc năm 1992), loại đất làm nhà ở là 19m², còn lại là cây ăn quả, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh.

5. Công nhận cho bà Nguyễn Thị L diện tích 352m² (phần B), thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04 (tài liệu đo đạc năm 1992), loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng quyền sử dụng đất.

6. Công nhận cho bà Nguyễn Thị D được sử dụng diện tích 891,6m² (phần D), thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04 (tài liệu đo đạc năm 1992), loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

7. Buộc hàng thừa kế của bà Trần Thị V phải hoàn lại giá trị tài sản đã nhận cho hàng thừa kế được hưởng theo quy định.

8. Về án phí, chi phí thẩm định, định giá đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Trần Thị V (chết năm 2021) theo pháp luật và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật và tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Tài sản tranh chấp và bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bà Nguyễn Thị D có yêu cầu độc lập, các đương sự còn lại cũng có yêu cầu chia di sản thừa kế di sản theo pháp luật;

- *Hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị V gồm*: Bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn Chánh (chết không có vợ con), ông Nguyễn Văn Nh (chết năm 2018), bà Nguyễn Thị Nh, ông Nguyễn Văn Như (chết năm 2008 không có vợ, con), ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Ch và ông Nguyễn Văn Tr, bà V không có con riêng và con nuôi.

- Ông Nguyễn Văn Nh (chết năm 2018), ông Nh có vợ là bà Nguyễn Thị D2, ông Nh với **bà D** có 04 người con chung là anh Nguyễn Ngọc M, chị Nguyễn Thị Bé Th, chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Nguyễn Thị Thu H Ông Nh không có con nuôi, con riêng.

- Các đương sự thống nhất không có yêu cầu thẩm định và định giá tài sản có tranh chấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 921, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh cấp cho bà Trần Thị V (chết), bà Nguyễn Thị L đang quản lý, bà L cam kết không có cầm cố và cũng không có thế chấp cho cơ quan tổ chức và cá nhân nào khác.

- Bà Nguyễn Thị D2, anh Nguyễn Ngọc M, chị Nguyễn Thị Bé Th, chị Nguyễn Thị Cẩm T, chị Nguyễn Thị Thu H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Thửa đất 921, tờ bản đồ số 4, tài liệu năm 1992, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh là tài sản của bà Trần Thị V (chết), điều này đã được các đương sự thừa nhận, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Các đương sự thống nhất quyền sử dụng đất thửa 921 diện tích được cấp và diện tích sử dụng thực tế giảm là do mở rộng lộ Nhà nước chưa được điều chỉnh lại quyền sử dụng đất các đương sự không tranh chấp, mọi người cùng thống nhất thửa đất 921 đang tranh chấp gồm 04 (phần A, B, C, D) theo sơ đồ khu đất.

[4] Diện tích 669,4m² phần (E) thuộc thửa đất số 921, tờ bản đồ số 4, tài liệu năm 1992, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh, hàng thừa kế thứ nhất của bà V thống nhất bà V đã tặng cho bà Nguyễn Thị D2 và được công nhận bằng Quyết định số: 32/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024 của Tòa án, các đương sự không có tranh chấp với **bà D**.

[5] Trong quá trình giải quyết và tài phiên tòa ông Tr vẫn giữ yêu cầu khởi kiện công nhận diện tích đất tại các (phần A, B, C) đang tranh chấp cho

ông được hưởng, ông Tr cho rằng diện tích đất này ông đã được bà Trần Thị V tặng cho riêng ông trước khi bà V còn sống, ông không nhớ cho đất năm nào, không có làm giấy tờ do mẹ con nên không có làm thủ tục sang tên tách thửa cho ông ngay tại thời điểm cho đất. Sau khi bà V chết, hàng thừa kế thừa thứ nhất của bà V thống nhất lập tờ đồng thuận cho ông hưởng diện tích đất trên, ngoài ra bà V cũng có cho đất **bà D** như **bà D** yêu cầu, cho nên ông với bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D2 thống nhất thuê bà Nguyễn Thị L liên hệ văn phòng đăng ký đất đai làm thủ tục để cấp quyền sử dụng đất cho **bà D**, **bà D** và ông, sau đó địa chính huyện có vô đo đất để cấp quyền sử dụng đất do bà L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 921 và tờ đồng thuận nên Nhà nước không làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho mọi người được. Quá trình giải quyết Tòa án có ban hành Quyết định yêu cầu ông Tr cung cấp chứng cứ để chứng minh diện tích đất gồm các (phần A, B, C) là của bà V tặng cho ông và cho đến nay ông Tr không đưa ra được căn cứ chứng minh đất tranh chấp nói trên ông được bà V tặng cho riêng ông trước khi bà V còn sống, cho nên ông Tr phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

[5] Trong quá trình giải quyết và tài phiên tòa bà Nguyễn Thị D vẫn giữ yêu cầu công nhận diện tích đất 891,6m² (phần D) thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, **bà D** cho rằng diện tích đất này bà được bà V tặng cho bà vào năm 2005, không có làm giấy tờ, bà nhận đất sử dụng từ đó cho đến nay, còn ông Tr thì được cho diện tích tại các (phần A, B, C) theo sơ đồ, còn (phần E) là cho bà Nguyễn Thị D2. Do trước đây quyền sử dụng đất thửa 921 ông Tr thế chấp vay vốn để làm ăn nên bà với bà V chưa làm thủ tục tách quyền sử dụng đất cho bà, trên diện tích (Phần D) có 21 cây dừa hiện tại bà đã đốn hết 19 cây, còn lại 02 cây, nếu bà không được cho đất sau bà được quyền đốn dừa mà các em bà không có ý kiến. Sau khi bà V chết, hàng thừa kế thừa thứ nhất của bà V thống nhất lập văn bản đồng thuận cho bà với ông Tr và **bà D** được đứng tên quyền sử dụng đất mà bà V đã cho mọi người lúc còn sống, mọi người thuê bà L liên hệ văn phòng đất để làm thủ tục đo đạc cấp quyền sử dụng đất cho **bà D**, **bà D** và ông Tr, sau đó địa chính huyện có vô đo đạc đất do bà L không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 921 và tờ đồng thuận nên Nhà nước không làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho mọi người được. Quá trình giải quyết Tòa án có ban hành Quyết định yêu cầu **bà D** cung cấp chứng cứ để chứng minh diện tích (phần D) là của bà V tặng cho bà vào năm 2005 như bà yêu cầu và cho đến nay **bà D** không đưa ra được chứng cứ chứng minh đất tranh chấp nói trên được bà V tặng cho riêng bà, cho nên **bà D** phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được.

[6] Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà L trình bày: Bà V chết không có để lại di chúc, lúc còn sống bà V có phân chia đất cho các con bà V xong, ông Tr cũng được chia đất rồi, chỉ có chia đất không đồng đều người ít, người nhiều, bà V còn lại thửa đất 921 sử dụng, ngày xưa bà V thuộc diện hộ nghèo được Nhà nước hỗ trợ căn nhà tình thương, bà V sống một mình, ông Tr sống bên vợ sau này mới về sống trên thửa đất 921, bà V bệnh bà là người trực tiếp chăm sóc cho bà V đến khi chết, lúc còn sống bà V có cho **bà D** Diện tích 350m²

nằm trong thửa 921, không có làm giấy tờ, bà V giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 921 cho bà giữ đến nay, bà không có lãnh đi làm thuê giấy tờ đất cho ông Tr, **bà D** như ông Tr trình bày, văn bản từ chối nhận di sản bà có ký tên, chưa được xã xác nhận, lúc ký tên bà cũng có hỏi xã về việc cấp diện tích 350m² bà V cho bà, ở xã có nói nếu là đất hưởng thừa kế thì một mét nhà nước cũng cấp, bà về nói lại cho vợ chồng ông Tr nghe, vợ chồng ông Tr không đồng ý chia đất cho bà nên bà giữ lại văn bản từ chối nhận di sản và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 921 rồi ông Tr khởi kiện bà đến nay. Trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa bà xác định bà V cho đất không có làm giấy tờ nên bà không yêu cầu công nhận đất mà bà yêu cầu chia thừa kế thửa đất 921 của bà V theo pháp luật, bà thống nhất giao cho ông Tr hưởng (phần A) diện tích nhiều hơn các phần khác coi như công sức gìn giữ cải tạo và thờ cúng bà V, ông Tr không phải hoàn lại giá trị cho bà, tài sản trên đất bà không tranh chấp, những phần còn lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, thống nhất giao diện tích (phần C) cho ông Tr, nếu giá trị thừa kế ông Tr được hưởng thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu ông Tr hoàn lại cho hàng thừa kế hưởng, còn bà xin hưởng diện tích (phần B), nếu giá trị thừa kế bà nhận thấp hơn giá trị tài sản bà đồng ý hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế hưởng, đồng ý cho **bà D** hưởng diện tích (phần D), nếu giá trị thừa kế **bà D** được hưởng thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu ông Tr hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế hưởng.

[6] Ông Ch, bà Nh cùng có ý kiến trình bày: Bà V chết không có để lại di chúc, lúc còn sống bà V có phân chia đất cho các con xong, ông Tr cũng được chia đất rồi chỉ có chia đất cho các con không đồng đều (đất ông Tr bán lại cho ông Cho sử dụng). Bà V còn lại thửa đất 921, sau khi bà V chết ông Cho với bà Nhan cũng có ký tên vào văn bản từ chối nhận di sản, do ông Tr không chia đất cho bà L theo như lời bà V lúc còn sống nên bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 921 và văn bản từ chối nhận di sản rồi ông Tr khởi kiện cho đến nay.

Nay ông Cho và bà Nhan thống nhất giao cho ông Tr hưởng diện tích (phần A) gồm công sức gìn giữ và thờ cúng bà V, ông Tr không phải hoàn lại giá trị cho mọi người, không tranh chấp tài sản trên đất, những phần còn lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, thống nhất giao diện tích (phần C) cho ông Tr hưởng, nếu giá trị thừa kế ông Tr được hưởng thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu ông Tr hoàn lại cho hàng thừa kế hưởng, giao diện tích (phần B) cho bà L, nếu giá trị thừa kế bà L nhận thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu bà L hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế hưởng, đồng ý cho **bà D** hưởng diện tích (phần D), nếu giá trị thừa kế **bà D** được hưởng thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu **bà D** hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế hưởng, mọi người thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất.

[7] Ông Tập có ý kiến trình bày: Bà V chết không có để lại di chúc, lúc còn sống bà V có phân chia đất cho các con xong, ông Tr cũng được chia đất rồi, chỉ có chia đất không đồng đều (người ít, người nhiều), bà V còn lại thửa đất 921, ông không có ký tên văn bản từ chối nhận di sản hay tờ đồng thuận để cho ai hưởng thửa đất 921, việc ông Tr mời địa chính huyện vô đo đạc cấp quyền sử dụng đất như ông Tr trình bày ông cũng không biết, sau này ông Tr tranh chấp

ra Tòa án ông mới biết, bà V sống một mình tại thửa đất 921, vợ chồng ông Tr đi làm và sống bên gia đình vợ, sau này mới về sống tại thửa đất 921, lúc bà V bệnh bà L là người chăm sóc cho đến khi bà V chết, bà V đồng ý cho bà L diện tích 350m² nằm trong thửa 921, do mẹ con nên không có làm giấy tờ, theo quy định của pháp luật thì việc cho đất của ông Tr, **bà D** và bà L không đúng nên thửa đất 921 của bà V sẽ được chia thừa kế theo pháp luật. Nay ông thống nhất giao cho ông Tr hưởng diện tích (phần A) gồm công sức gìn giữ và thờ cùng bà V, ông Tr không phải hoàn lại giá trị cho ông hưởng, không tranh chấp tài sản trên đất, những phần còn lại yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, thống nhất giao diện tích (phần C) cho ông Tr hưởng, nếu giá trị thừa kế ông Tr được hưởng thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu ông Tr hoàn lại cho hàng thừa kế hưởng, giao diện tích (phần B) cho bà L, nếu giá trị thừa kế bà L nhận thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu bà L hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế hưởng, đồng ý cho **bà D** hưởng diện tích (phần D), nếu giá trị thừa kế **bà D** được hưởng thấp hơn giá trị tài sản yêu cầu **bà D** hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế hưởng, thống nhất không tranh chấp tài sản trên đất.

[9] Tại phiên tòa bà Thương vợ ông Tr có ý kiến trình bày: Sau khi bà với ông Tr kết hôn bà về sống chung nhà với bà V tại thửa đất 921, tài sản trên thửa đất qua thẩm định của Tòa án gồm có: Căn nhà chính là nhà tình thương được Nhà nước hỗ trợ cho bà V, sau này bà với ông Tr có sửa chữa lại như bây giờ và cùng tạo lập thêm nhà sau sử dụng đến nay, dựa là của ông Tr trồng, lúc còn sống bà V tặng cho **bà D** diện tích đất (Phần D) đất **bà D** đang quản lý, các (phần A, B, C) đang tranh chấp là của bà V tặng cho riêng ông Tr trước khi bà V còn sống, bà không có tranh chấp tài sản đã tạo lập trên đất, bà không có đóng góp công sức làm tăng giá trị thửa đất 921, đất là của bà V tặng cho ông Tr và **bà D** để ông Tr với **bà D** giải quyết.

[10] Đối với yêu cầu trả lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh và 01 văn bản từ chối nhận di sản (tờ đồng thuận), yêu cầu này của ông Tr là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Do ông Tr, **bà D** không có chứng minh được đất tranh chấp bà Trần Thị V tặng cho, bà V chết không để lại di chúc nên di sản của bà V sẽ được chia thừa kế theo pháp luật là phù hợp quy định tại Điều 649, khoản 2 Điều 651 của Bộ luật Dân sự, những người thừa kế cùng hàng thừa kế được hưởng di sản bằng nhau. Vậy di sản thừa kế được chia thành 06 phần gồm: **Bà D**, ông Tập, Ông Ch, bà Nh, bà L và ông Tr.

[12] Tài sản trên thửa đất tranh chấp gồm có:

- *Nhà chính (nhà trước)*: Móng cột bê tông cốt thép, tường xây gạch quét vôi, lắp dựng khung cửa kính, nền gạch men, mái tol không trần, có DT 95m².

- *Nhà sau*: Khung cột gỗ tạp, mái tol, vách tol, nền lán xi măng, có DT 56m².

- *Cây trái hoa màu*: Dừa trên 25 năm 33 cây, dừa từ 07 đến 25 năm 03 cây, dừa từ 01 đến 02 năm 16 cây;

[13] Về giá đất: Trong quá trình giải quyết các đương sự không có ai yêu cầu định giá lại đất tranh chấp do Hội đồng định giá đã công bố vào ngày 24/01/2024, nên Hội đồng xét xử áp dụng giá trị thửa đất 921 có giá bằng 150.000 đồng/m².

[14] Di sản được chia như sau: Tổng diện tích đất tranh chấp gồm 04 (phần A, B, C, D) theo sơ đồ đo đạc;

- Quá trình giải quyết và tài phiên tòa, các đương sự thống nhất căn nhà chính (nhà trước) là loại nhà tình thương được Nhà nước hỗ trợ cho bà V trước đây, sau này ông Tr có sửa chữa lại và ông Tr có tạo lập thêm căn nhà sau sử dụng, quá trình giải quyết các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất, nếu diện tích đất được chia có tài sản thì người đó hưởng, không phải hoàn lại giá trị, chỉ tính giá trị quyền sử dụng đất để hoàn lại. Ông Tập, bà L, bà Nhan và ông Cho thống nhất giao cho ông Tr hưởng diện tích (phần A) và các tài sản trên đất, không yêu cầu ông Tr hoàn lại giá trị, diện tích đất ông Tr hưởng nhiều hơn coi như đã tính luôn công sức giữ giữ cải tạo và thờ cúng bà V.

- Diện tích còn lại được chia thừa kế theo pháp luật gồm: (Phần B, C, D), tổng diện tích 1.595,2m² x 150.000 đồng/m = 239.280.000 đồng được chia thành 06 mỗi phần bằng 39.880.000 đồng;

- Bà Nguyễn Thị L xin nhận diện tích (phần B), nếu giá trị bà nhận nhiều hơn di sản bà được hưởng, bà thống nhất hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế được hưởng;

- Bà Nguyễn Thị D xin nhận diện tích phần (D), **bà D** cho rằng diện tích đất này bà được bà V tặng cho riêng, quá trình giải quyết bà không có chứng cứ chứng minh, cho nên việc yêu cầu công nhận đất không được chấp nhận, do đất bà D đang quản lý, cần giao cho bà D hưởng, buộc bà D phải hoàn lại giá trị cho hàng thừa kế được hưởng;

- Ông Nguyễn Văn Tr được hưởng (phần A, C) do (phần A) các đương sự thống nhất cho ông hưởng không hoàn phải lại giá trị, còn diện tích đất (Phần C) buộc ông Tr phải hoàn lại giá trị hàng thừa kế được hưởng.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và của bà Nguyễn Thị D, chấp nhận chia thừa kế theo pháp luật của các đương sự là có căn cứ;

[15] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật;

[16] *Về chi phí thẩm định, định giá*: Buộc các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật;

[17] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26 khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 92, 147, 157, 165, 273, 228, 280 của Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 212, 611, 618, 623, 645, 649, 650, 651 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn Cứ các Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tr về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả lại cho ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 921, tờ bản đồ số 04, tài liệu đo đạc năm 1992, tọa lại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 01 tờ đồng thuận (văn bản từ chối nhận di sản) và yêu cầu công nhận đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện công nhận đất của bà Nguyễn Thị D.

3. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị Nh đối với di sản thừa kế của bà Trần Thị V (chết).

4. Công nhận cho ông Nguyễn Văn Tr được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 959,3m² (phần A) và diện tích 351,6m² (phần C), thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04 (tài liệu đo đạc năm 1992), loại đất làm nhà ở là 19m², còn lại là cây ăn quả, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh.

Phần A, có tứ cận như sau:

- Hướng bắc: Có 03 đoạn;
- + Đoạn 1: Giáp đường bê tông có số đo 6,8m;
- + Đoạn 2: Giáp thửa 1774 có số đo 0,1m;
- + Đoạn 1: Giáp thửa 1774 có số đo 9,6m;
- Hướng nam: Giáp Phần B có số đo 29,3m;
- Hướng đông: Giáp thửa 922 có số đo 34,2m;
- Hướng tây: có 02 đoạn;
- + Đoạn 1: Có số đo 36,6m.
- + Đoạn 2: Giáp đường bê tông có số đo 8,3m.

Phần C, có tứ cận như sau:

- Hướng bắc: Giáp đường bê tông có số đo 9,3m;
- Hướng nam: Giáp thửa 909 có số đo 3,3m;
- Hướng đông: có 02 đoạn;
- + Đoạn 1: Có số đo 49,3m;
- + Đoạn 2: giáp đường bê tông có số đo 45,0m;
- Hướng tây: có 05 đoạn;

- + Đoạn 1: Giáp thửa 909 có số đo 21,7m;
- + Đoạn 2: Giáp thửa 907 có số đo 14,2m;
- + Đoạn 3: Có số đo 14,6m;
- + Đoạn 4: Có số đo 15,3m;
- + Đoạn 5: Giáp thửa 906 có số đo 36,7m.

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

5. Công nhận cho bà Nguyễn Thị L diện tích 352m² (phần B), thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04 (tài liệu đo đạc năm 1992), loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Hướng bắc: Giáp phần A có số đo 29,2m;
- Hướng nam: Giáp khu đo chính quy có số đo 31,2m;
- Hướng đông: Giáp thửa 922 có số đo 11,6m;
- Hướng tây: Giáp đường bê tông có số đo 11,6m.

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

6. Công nhận cho bà Nguyễn Thị D được sử dụng diện tích 891,6m² (phần D), thuộc thửa đất 921, tờ bản đồ số 04 (tài liệu đo đạc năm 1992), loại đất cây ăn quả, tọa lạc tại ấp Lê Văn Q, xã Tập Ng, huyện Tc, tỉnh Trà Vinh do bà Trần Thị V đứng tên trong giấy chứng quyền sử dụng đất, có tứ cận như sau:

- Hướng bắc: Có 02 đoạn;
- + Đoạn 1: Giáp khu đo chính quy có số đo 32,8m;
- + Đoạn 2: Giáp thửa 922 có số đo 28,4m;
- Hướng nam: có 02 đoạn;
- + Đoạn 1: Giáp thửa 920 có số đo 59,8m;
- + Đoạn 2: Giáp phần E có số đo 2,7m;
- Hướng đông: Giáp thửa 924 có số đo 15,8m;
- Hướng tây: Giáp đường bê tông có số đo 16,0m.

(Có photo sơ đồ khu đất kèm theo).

7. Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Nh được hưởng bằng 12.920.000 đồng giá trị tài sản chia thừa kế.

8. Buộc ông Nguyễn Văn Tr có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Nh được hưởng bằng 12.860.000 đồng giá trị tài sản chia thừa kế.

9. Buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm giao cho bà Nguyễn Thị Nh được hưởng bằng 14.100.000 đồng giá trị tài sản chia thừa kế.

10. Buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Văn Ch được hưởng bằng 39.880.000 đồng giá trị tài sản chia thừa kế.

11. Buộc bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm giao cho ông Nguyễn Văn T được hưởng bằng 39.880.000 đồng giá trị tài sản chia thừa kế.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn

yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải chịu tiền án phí trên di sản thừa kế được hưởng bằng 9.189.425 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 4.500.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000251, ngày 05-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; Ông Nguyễn Văn Tr còn phải nộp tiếp số tiền 4.689.425 đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí trên di sản thừa kế được hưởng bằng 1.994.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị L, bà L được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

- Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải chịu tiền án phí trên di sản thừa kế được hưởng bằng 1.994.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị Nh là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị Nh, bà Nhan được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

- Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu tiền án phí trên di sản thừa kế được hưởng bằng 1.994.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho bà Nguyễn Thị D, **bà D** được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí trên di sản thừa kế được hưởng bằng 1.994.000 đồng. Do ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Văn T, ông Tập được miễn nộp tạm ứng án phí nên không xử lý.

- Buộc ông Nguyễn Văn Ch phải chịu tiền án phí trên di sản thừa kế được hưởng bằng 1.994.000 đồng.

9. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: 7.306.000 đồng.

- Tại quyết định số: 32/2024/QĐST-DS ngày 02/5/2024 của Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D2 phải chịu 2.200.000 đồng để hoàn trả cho ông Tr (đã ghi nhận xong).

- Buộc ông Nguyễn Văn Tr phải chịu 1.106.000 đồng số tiền này ông Tr đã nộp và chi xong.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 800.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr.

- Buộc bà Nguyễn Thị Nh phải chịu 800.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr.

- Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu 800.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr.

- Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 800.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr.

- Buộc ông Nguyễn Văn Ch phải chịu 800.000 đồng để hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr.

10. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

11. Khi án có hiệu lực pháp luật các đương sự có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền về quản lý đất đai cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung bản án đã tuyên.

12. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm